

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On

2. Bà Nguyễn Thị Hiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* anh **Tiêu Văn H**, sinh năm 1975; cư trú tại: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân Hàng C**; địa chỉ trụ sở: số , phố L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật ông **Dương Quyết T**, chức vụ Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ông **Lê Hải V**, chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Ngân Hàng C, huyện H.

(Chị Nguyễn Thị B; anh Tiêu Văn H; ông Lê Hải V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1998, chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H có đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại đã sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng. Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tiêu Văn H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H có với nhau 03 người con chung gồm Tiêu Mũi L, sinh ngày 22/10/2000, Tiêu Mũi K, sinh ngày 07/7/2003 và Tiêu Mũi Y sinh ngày 22/5/2007. Hiện tại các con đang sống chung với chị B. Do cháu Tiêu Mũi L đã trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y có nguyện vọng sống với chị B thì chị B đồng ý nuôi dưỡng, đồng thời chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; nếu cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y có nguyện vọng sống với anh H thì chị B đồng ý cho anh H nuôi dưỡng, chị B xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu chia theo quy định pháp luật với anh Tiêu Văn H các khoản sau:

01. 15 (Mười lăm) công đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

02. Nợ của Ngân Hàng C 10.000.000đ. Ngoài ra, chị B không yêu cầu gì khác.

Ngày 18/4/2019, chị B rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản và nợ với anh H do vợ chồng đã tự thỏa thuận được với nhau và với chủ nợ.

Bị đơn anh Tiêu Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1998, anh Tiêu Văn H và chị Nguyễn Thị B cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại đã sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng. Nay chị B xin ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: Anh Tiêu Văn H và chị Nguyễn Thị B có với nhau 03 người con chung gồm cháu Tiêu Mũi L sinh ngày 22/10/2000, Tiêu Mũi K sinh ngày 07/7/2003 và Tiêu Mũi Y sinh ngày 22/5/2007. Hiện tại các con đang sống chung với chị B. Do cháu Tiêu Mũi L đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y có nguyện vọng sống với anh H thì anh H đồng ý nuôi dưỡng, đồng thời anh H không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; nếu cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y có nguyện vọng sống với chị B thì anh H đồng ý cho chị B nuôi dưỡng, anh H xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác định tài sản mà chị B đã yêu cầu là đúng. Nay

anh H và chị B đã tự thỏa thuận được về tất cả các tài sản và nợ nên chị B rút lại yêu cầu chia tài sản và nợ, anh H đồng ý. Ngoài ra, anh H không yêu cầu gì khác.

Ngân Hàng C (sau đây gọi là Ngân hàng) xác định anh H và chị B đã trả cho Ngân hàng xong 10.000.000đ nên Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không công nhận chị B và anh H là vợ chồng; Về tài sản chung và nợ chung do chị B đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên đình chỉ giải quyết; Về con chung do cả hai cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y đều có nguyện vọng sống cùng chị B nên tiếp tục giao cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn nuôi con và chia tài sản khi ly hôn mà bị đơn anh Tiêu Văn H cư trú tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc xét xử vụ án khi chị Nguyễn Thị B, anh Tiêu Văn H và ông Lê Hải V có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998, chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H được gia đình tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình do vợ chồng sống không hợp nhau và đã ly thân. Mặc dù hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không*

đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H có với nhau 03 người con chung gồm cháu Tiêu Mũi L sinh ngày 22/10/2000, Tiêu Mũi K sinh ngày 07/7/2003 và Tiêu Mũi Y sinh ngày 22/5/2007. Hiện tại các con đang sống chung với chị B. Chị B và anh H cùng có ý kiến: Do cháu Tiêu Mũi L đã trên 18 tuổi nên chị B và anh H không có yêu cầu gì; cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y có nguyện vọng ở với chị B thì chị B nuôi, ở với anh H thì anh H nuôi và đều không yêu cầu cấp dưỡng. Tại bản khai của mình, cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y đều có nguyện vọng sống cùng chị B. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, tiếp tục giao cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tiêu Mũi K và cháu Tiêu Mũi Y. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H đã tự thỏa thuận việc chia tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, Ngân Hàng C không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Bên cạnh đó, chị B đã rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản và nợ chung với anh H và anh H đồng ý. Việc chị B rút yêu cầu chia tài sản và nợ chung là ý chí tự nguyện của chị B, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản và nợ chung của chị B với anh H.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 300.000đ.

Án phí dân sự có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị B đã dự nộp số tiền 4.000.000đ nên chị B được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Tiêu Văn H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Tiêu Mũi K sinh ngày 07/7/2003 và Tiêu Mũi Y sinh ngày 22/5/2007 cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tiêu Mũi K và Tiêu Mũi Y. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản và nợ chung của chị Nguyễn Thị B.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 300.000đ. Do chị B đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0006107, ngày 06/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ trong giai đoạn thi hành án.

Án phí dân sự có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị B đã dự nộp số tiền 4.000.000đ theo biên lai thu số 0006106, ngày 06/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu chị Nguyễn Thị B được hoàn lại toàn bộ trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt